CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Tập đoàn GCL

Ngày 31/12/2024	15,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.6%	**0%**	**-**

DT thuần
Q4/24
8.11
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.49| -48.0%
YoY: ▼14.4| -63.9%

LN thuần
Q4/24
1.13
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.77| -40.7%
YoY: ▲ 0.83| 276%

LN sau thuế
Q4/24
0.89
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.88| -49.6%
YoY: ▲ 0.72| 425%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
5.0%
YoY: +/-▲ 2.0%

ROE
2024
1.8%
YoY: +/-▼ 0.4%

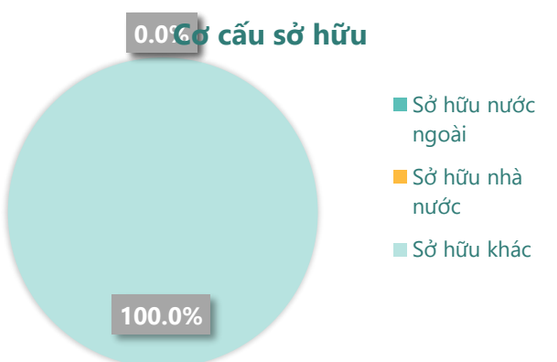
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	15,500 - 20,877
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	121
Số lượng CPLH (CP)	7,596,981
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,740
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.49
EPS	177
P/E	89.9

DT thuần
2024
35.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼39.0| -52.3%

LN thuần
2024
1.72
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.41| -19.1%

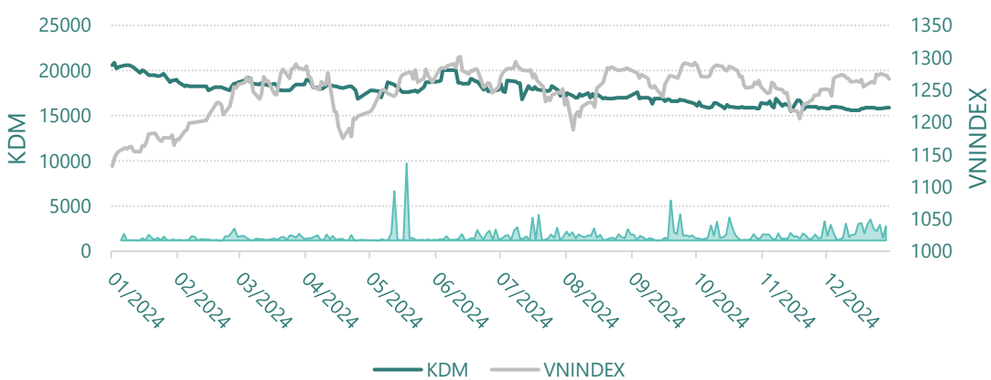
LN sau thuế
2024
1.34
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.28| -16.9%

Cơ cấu sở hữu

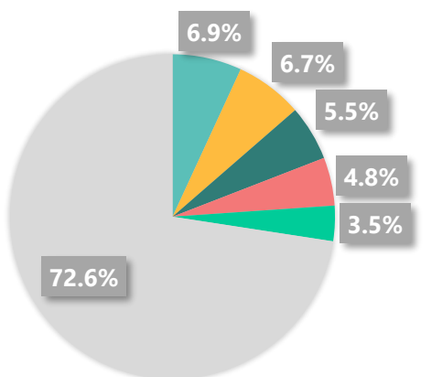


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

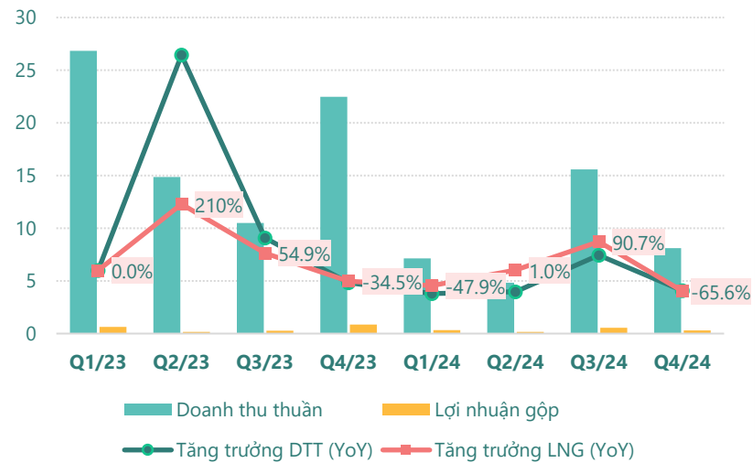


- Phan Thanh Dũng (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thị Vân
- Đỗ Yến Vy
- Lê Thị Bích Lan
- Lê Thị Hạnh Nguyên
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

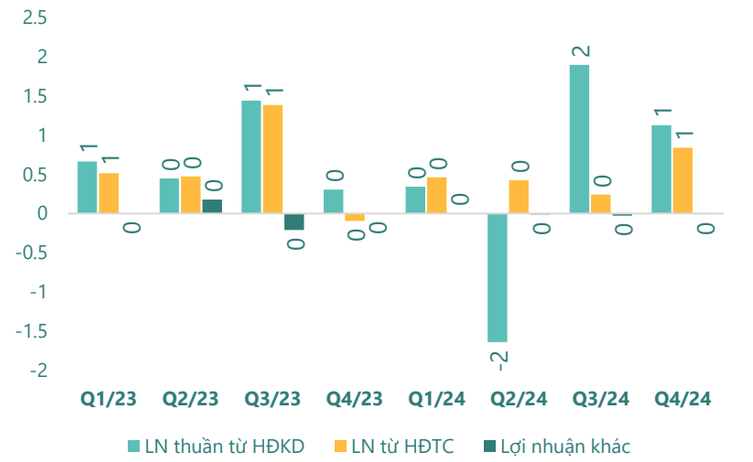
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



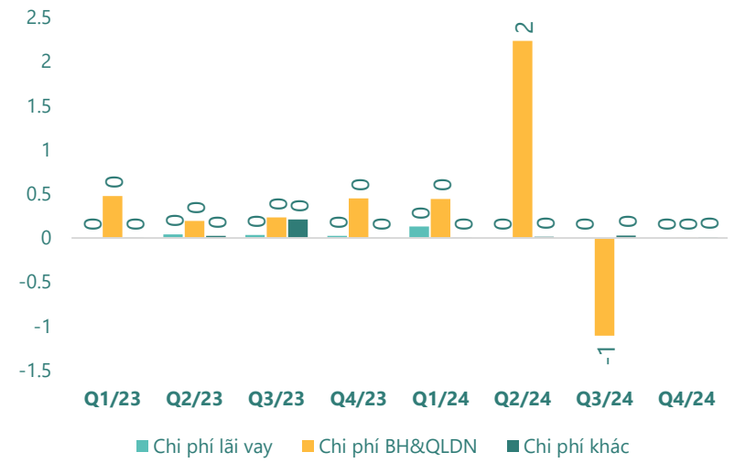
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



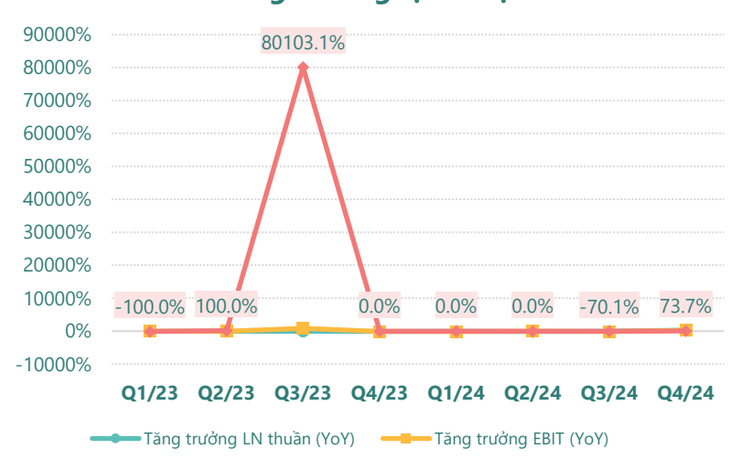
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



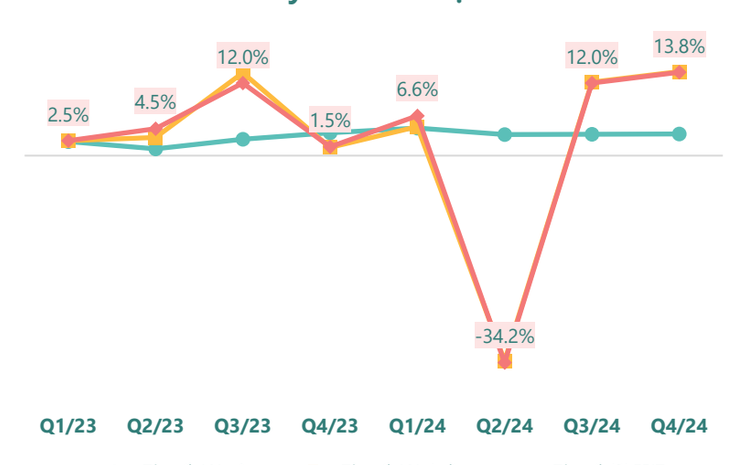
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



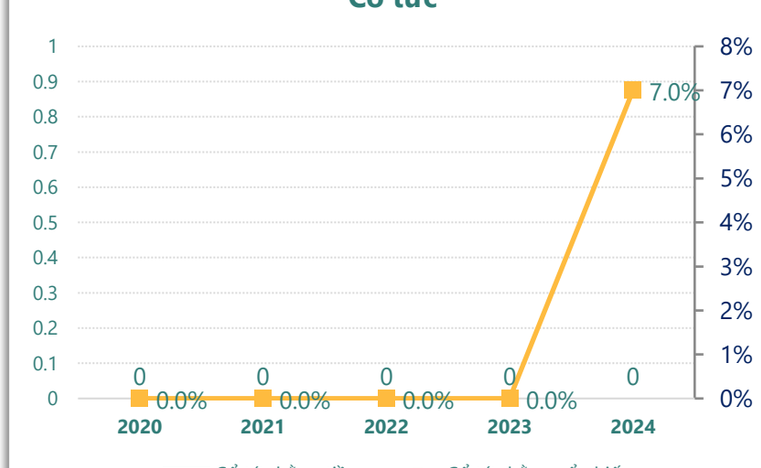
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



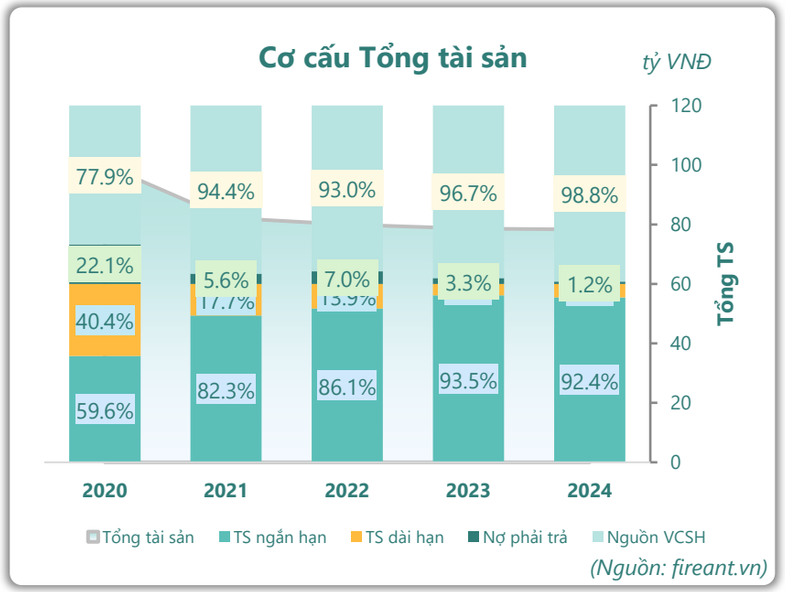
(Nguồn: fireant.vn)

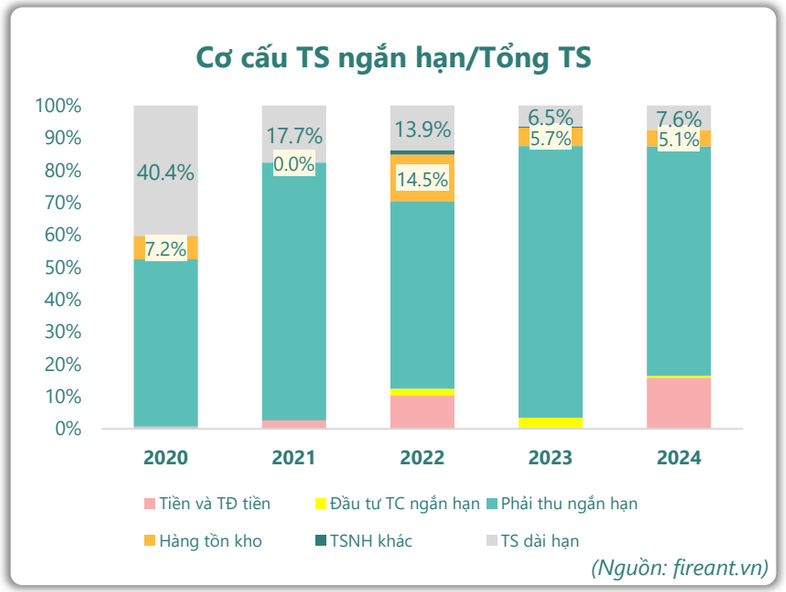
Cổ tức

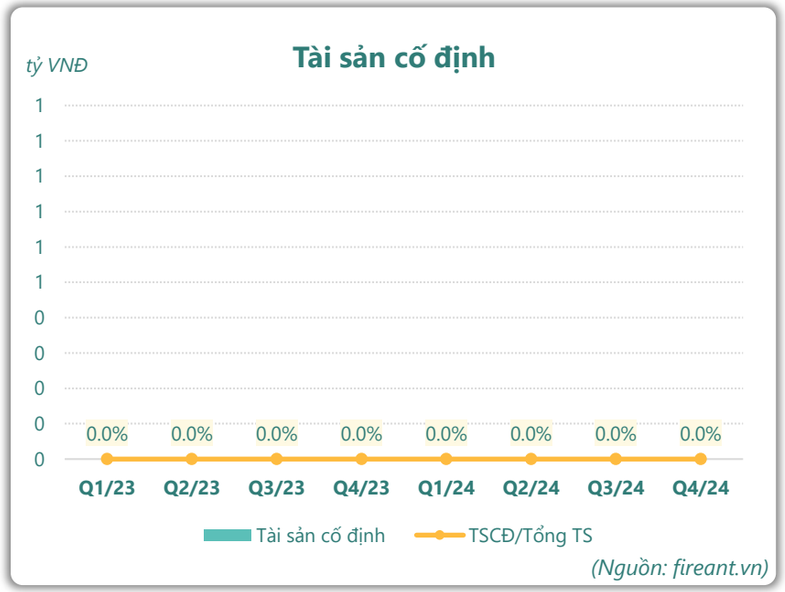


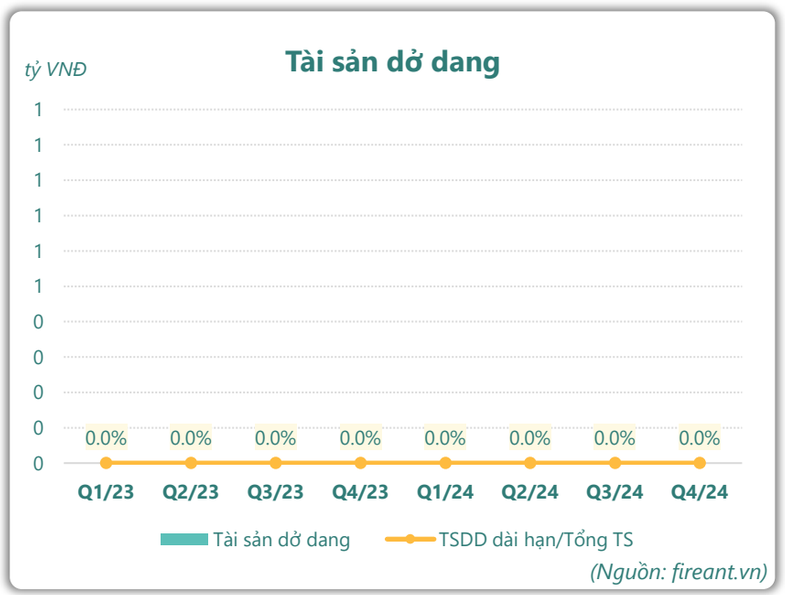
(Nguồn: fireant.vn)

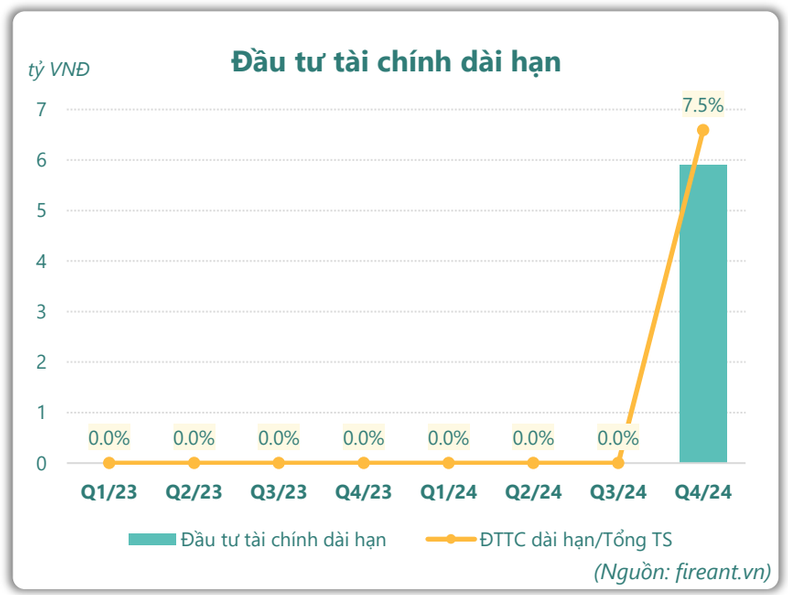
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

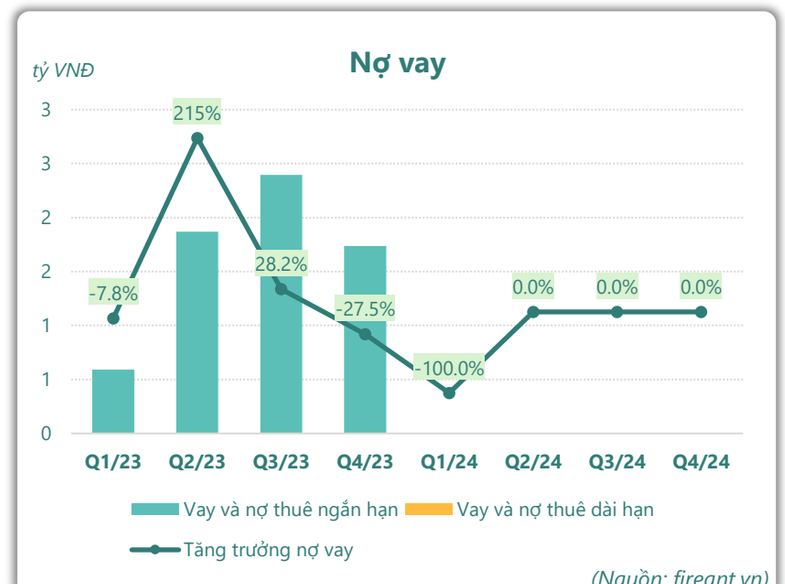






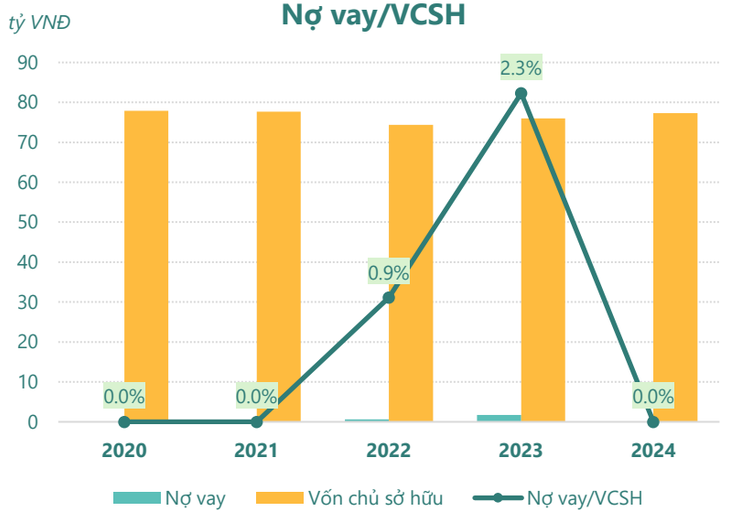






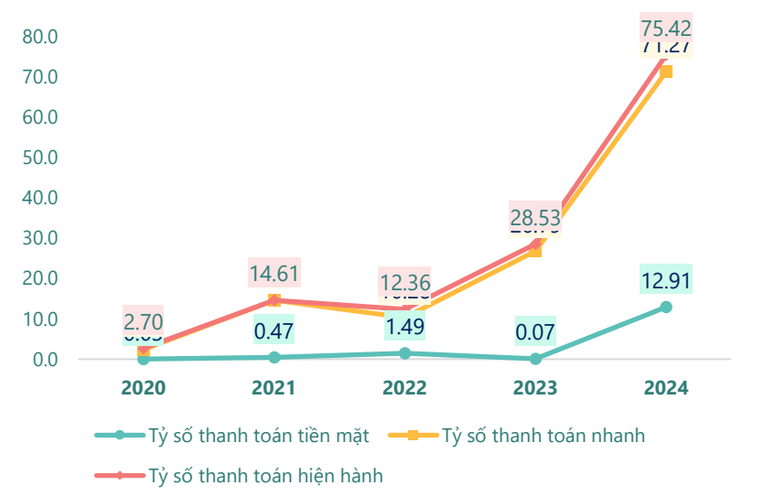
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



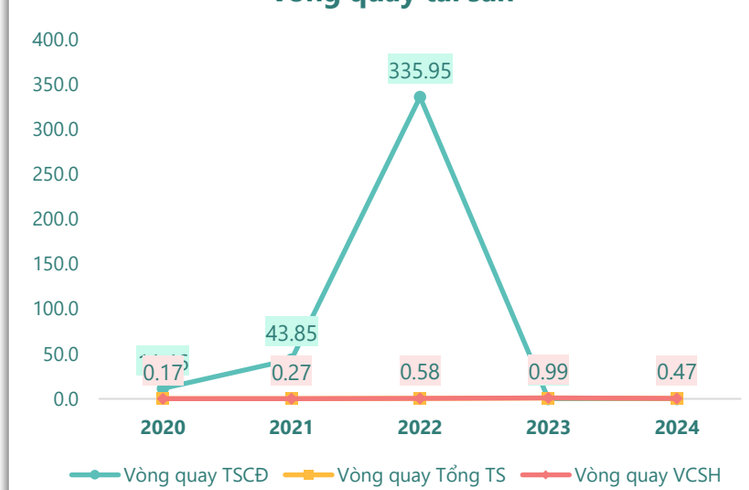
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



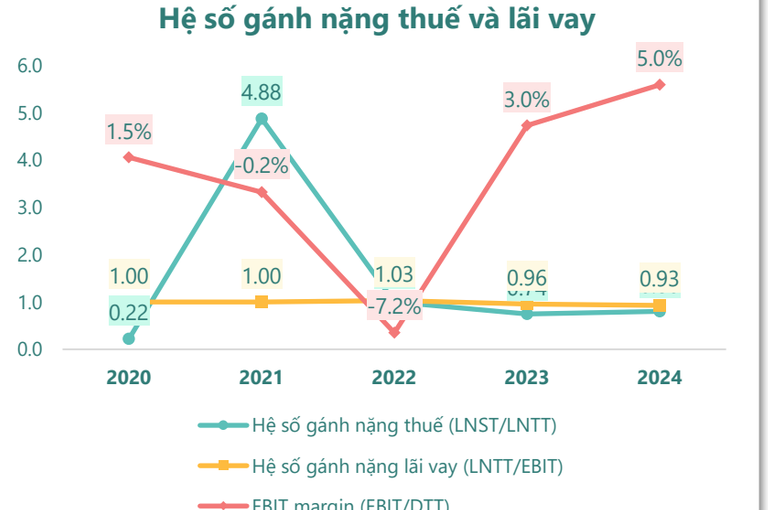
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



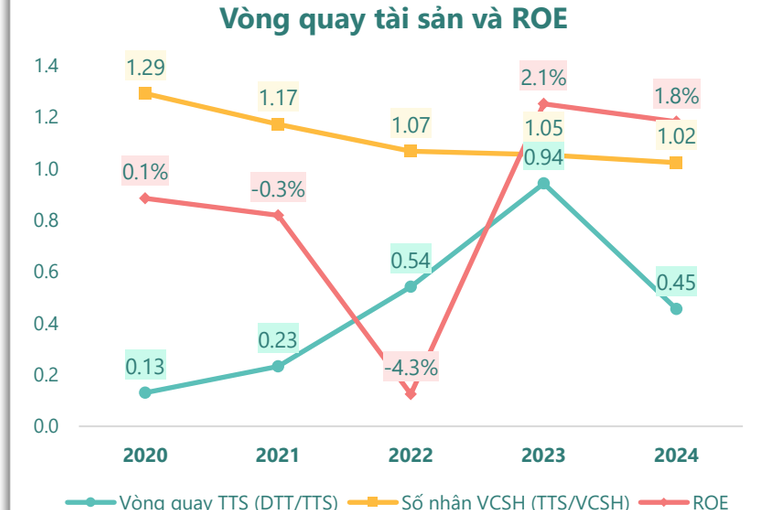
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



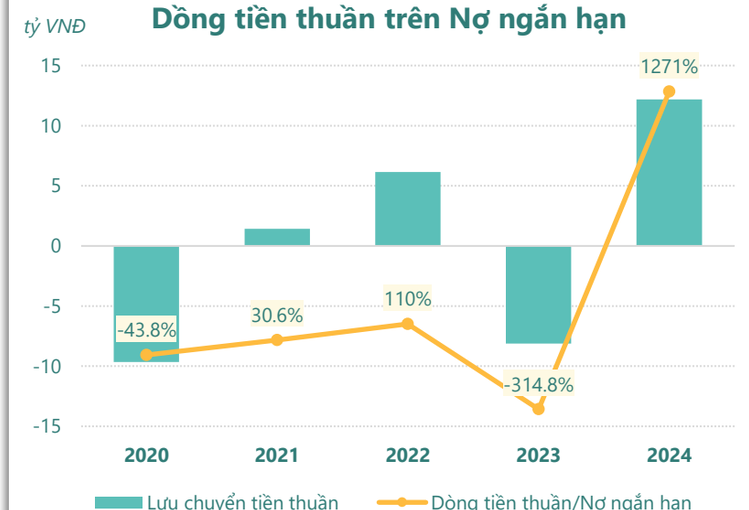
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**8.11**	**22.5**	**-63.9%**	**35.7**	**74.7**	**-52.3%**
Giá vốn hàng bán	7.82	21.6	-63.8%	34.3	72.6	-52.7%
Lợi nhuận gộp	0.29	0.85	-65.6%	1.33	2.04	-34.5%
Doanh thu HĐTC	0.84	0.48	75.2%	2.03	1.83	11.0%
Chi phí TC	0.00	0.58	-99.4%	0.07	0.39	-82.4%
Chi phí lãi vay	0	0.02	-100%	0.13	0.10	35.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0.02	-100%
Chi phí QLDN	**0.00**	**0.45**	**-99.4%**	**1.58**	**1.33**	**18.3%**
LN thuần từ HĐKD	1.13	0.30	276%	1.72	2.13	-19.1%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**0.00**		**-0.05**	**0.05**	**-211%**
LN trước thuế	1.12	0.30	273%	1.67	2.17	-23.2%
Lợi nhuận sau thuế	**0.89**	**0.17**	**425%**	**1.34**	**1.62**	**-16.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.89**	**0.17**	**425%**	**1.34**	**1.62**	**-16.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.01	0	9.26	-14.3	9.98	5.12
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.88	0	1.83	7.04	-4.51	-0.46
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.54	0	-1.74	0	0	0
Tiền đầu kỳ	9.66	0	0.19	9.54	2.25	7.72
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.35**	**0**	**9.35**	**-7.28**	**5.47**	**4.66**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.30	0	9.54	2.25	7.72	12.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**78.3**	**78.6**	**-0.3%**
Tài sản ngắn hạn	72.4	73.5	-1.5%
Tiền và tương đương tiền	12.4	0.19	6340%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.42	2.54	-83.6%
Phải thu ngắn hạn	55.6	66.0	-15.8%
Hàng tồn kho	3.98	4.49	-11.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.25	-100%
Tài sản dài hạn	**5.93**	**5.11**	**16.1%**
Phải thu dài hạn	0	5.04	-100%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	5.90	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.03**	**0.07**	**-60.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	0.96	2.58	-62.7%
Nợ ngắn hạn	**0.96**	**2.58**	**-62.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	1.74	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0.36	-100%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**77.3**	**76.0**	**1.8%**
Vốn chủ sở hữu	**77.3**	**76.0**	**1.8%**
Vốn điều lệ	76.0	71.0	7.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)